

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**PHẠM KIỀU ANH**

**RÈN LUYỆN CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN  
TRONG DẠY HỌC LÀM VĂN NGHỊ LUẬN  
Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học  
bộ môn Văn và Tiếng Việt**

**Mã số: 62.14.01.11**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC**

**Người hướng dẫn khoa học:  
GS. TS. LÊ A**

**HÀ NỘI, 2013**

## NỘI DUNG

### Chương 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC RÈN LUYỆN CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN CHO HỌC SINH THPT

### 1.1. Quan niệm về lập luận

Ngay từ xa xưa, khi bàn về thuật hùng biện, Aristote đã trình bày những hiểu biết của mình về lập luận. Theo đó, lập luận được xác định thuộc phạm vi của thuật hùng biện. Nó là con đường dẫn dắt người đọc, người nghe tiếp nhận để nắm bắt được một sự việc, hiện tượng nào đó của thế giới khách quan, của xã hội loài người. Cùng với sự phát triển của thời gian, con người ngày càng nhận ra tầm quan trọng của lập luận trong đời sống xã hội. Bởi thế, lập luận là một nội dung được con người quan tâm và tìm hiểu. Có thể nhắc tới hai ngành khoa học nghiên cứu về lập luận dưới đây:

#### *1.1.1. Quan niệm về lập luận trong logic học*

Thuật ngữ logic bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp, với ý nghĩa là "tư tưởng", "trí tuệ" và "tư". Những ý nghĩa đó được đề ra từ mục đích con người muốn biểu thị tập hợp các quy luật bắt buộc của quá trình tư duy khi phản ánh thực tế khách quan. Nói một cách khác, nhiệm vụ cơ bản của logic học là làm sáng tỏ những điều kiện nhằm đạt tới tri thức chân thực. Để đạt được nhiệm vụ ấy, con người phải thực hiện quá trình nhận thức, phải tư duy. Cơ sở để con người ghi lại quá trình tư duy là ngôn ngữ, là lập luận. Cũng vì thế, lập luận là một trong những đối tượng cơ bản của logic học.

Lập luận trong logic học được thể hiện rõ trong suy luận. Theo đó, suy luận là "*hình thức của tư duy*" [28, 90] nhằm tạo ra cơ sở để rút ra phán đoán mới từ các quy tắc của logic. Phán đoán, kết luận khoa học được tạo ra từ những quy tắc logic thông qua các thao tác của tư duy và được thể hiện theo một cách thức lập luận nhất định. Bởi vậy, lập luận chính là con đường để tổ chức nhận thức khoa học. Logic học đã xác lập rõ các quy luật của tư duy, quy tắc của lập luận cũng như những tiền đề thiết yếu để thu được nhận thức chân lý như tính chân thực, quy tắc của logic lập luận [23], [28]... Như vậy, trong logic học, có thể nhận thấy lập luận là yếu tố không thể thiếu của bất kì suy luận nào. Nó vừa là cách thức, là thao tác tìm ra nhận thức chân lý mới, vừa là quá trình dẫn dắt con người đi đến và kiểm nghiệm độ xác thực của chân lý ấy. Với đặc trưng đó, khi nghiên cứu logic học, các nhà khoa học đã tìm ra những phương pháp lập luận như: phương pháp diễn dịch, phương pháp quy nạp, suy luận trực tiếp, suy luận gián tiếp, suy luận loại suy.

Hơn nữa, cũng trong logic học, các nhà khoa học còn chỉ ra những cách thức tổ chức lập luận như: phân tích, chứng minh, bác bỏ, tổng hợp... Có thể nói những cách thức tổ chức lập luận trên đây gắn liền với các hoạt động của tư duy logic, và cũng là con đường giúp con người đi đến với nhận thức chân lý.

### **1.1.2. Quan niệm về lập luận trong ngôn ngữ học**

Lập luận cũng là một trong những nội dung quan trọng của việc nghiên cứu ngôn ngữ học. Tìm hiểu lập luận với tư cách là đối tượng của ngôn ngữ, các nhà ngôn ngữ học đã đưa ra những quan niệm khác nhau. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đức Dân, khi bàn về lập luận, cho rằng: đó là “*một hoạt động, một thao tác ngôn ngữ, qua đó người nói đưa ra một hay một số phát ngôn làm luận cứ mà cấu trúc ngôn ngữ và nội dung của chúng đưa người nghe tới những chuỗi liên kết dẫn tới một kết luận nào đó. Lập luận là một hoạt động bằng logic ngôn từ mà người nói thể hiện nhằm tác động đến quần chúng*” [23, 21]. Theo quan niệm này, có thể nhận thấy lập luận chính là các hành động ngôn ngữ được con người thực hiện để nêu ra những nhận xét, suy luận hay phán đoán nào đó nhằm tạo ra những tác động nhất định đối với người tiếp nhận. Đó kết quả của một quá trình tư duy, gắn liền với hoạt động nhận thức của con người. Kết quả ấy được biểu thị qua các hình thức của ngôn ngữ. Nói một cách khác, lập luận chính là sản phẩm của tư duy nhưng được thể hiện cụ thể bằng trật tự logic của ngôn từ.

Còn nhà nghiên cứu Đỗ Hữu Châu cho rằng lập luận một hành động ngôn ngữ có cấu tạo chặt chẽ. Tác giả Đỗ Hữu Châu khẳng định, thuật ngữ “lập luận” được hiểu theo hai nghĩa: “*thứ nhất, nó chỉ sự lập luận tức là hành vi lập luận. Thứ hai, nó chỉ sản phẩm của hành vi lập luận tức toàn bộ cấu trúc của lập luận cả về nội dung và hình thức*” [14, 19]. Theo quan niệm trên, có thể khẳng định, về bản chất, lập luận là một hành động ngôn ngữ được biểu hiện qua cả phương diện nội dung và cấu trúc hình thức. Bởi lẽ trong ngôn ngữ, lập luận là một chiến lược hội thoại được con người thực hiện nhằm dẫn dắt người tiếp nhận đi tới một nhận thức hoặc một kết luận nào đó mà người tạo lập muốn đạt được. Các nhà ngôn ngữ học từng khẳng định: “*Lập luận là đưa ra một hoặc một số luận cứ nhằm dẫn dắt người đọc, người nghe đến một kết luận nào đấy mà người nói, người viết muốn diễn đạt tới*” [15, 79]. Hay cụ thể hơn, đó là cách con người “*đưa ra những lý lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một kết luận hay chấp nhận một kết luận nào đấy mà người nói muốn đạt tới*” [14, 155].

Như vậy, hiểu một cách đơn giản: *lập luận là đưa ra những lý lẽ, dẫn chứng nhằm dẫn dắt người đọc, người nghe đến một kết luận hay chấp nhận một kết luận nào đấy mà người nói, người viết muốn đạt tới*. Với tư cách là một hành động ngôn ngữ, lập luận là

yếu tố giúp cho con người tạo thành phát ngôn cụ thể để hiện thực hóa nhận thức. Nói một cách khác, lập luận là hành động *logic ngôn từ* có cấu trúc và gắn với một nội dung cụ thể. Vì thế, khi xem xét lập luận, các nhà ngôn ngữ học thường tập trung tìm hiểu cấu trúc hình thức của lập luận, mối quan hệ giữa lập luận với thực tế khách quan, với dụng ý của người tạo lập luận và từ đó đánh giá biểu hiện của các hành vi ngôn ngữ (hành vi ở lời, hành vi mượn lời, hành vi tạo lời...). Cho nên, khi tiếp cận lập luận, chúng ta cần xem xét nó trên các bình diện của hành động ngôn ngữ (như mục đích, nhận thức) và các hành vi ngôn ngữ được con người thực hiện khi giao tiếp. Nhờ đó, chúng ta hiểu đúng về cấu trúc, ý nghĩa cũng như mục đích tạo lập văn bản - sản phẩm của hoạt động giao tiếp. Bởi vậy, khi nghiên cứu văn bản, lý thuyết lập luận là một trong những cơ sở khoa học không thể thiếu.

## 1. 2. Lập luận trong văn bản nghị luận

Nghị luận là kiểu văn bản đặc biệt quan tâm tới thuyết lý, được thực hiện chủ yếu bằng tư duy logic. Vì thế, khi tạo lập, người nghị luận phải phản ánh được nhận thức, quan điểm của bản thân về thế giới khách quan; phải thể hiện được tư tưởng, tình cảm bằng chính ý kiến xác định trên cơ sở của các lý lẽ và dẫn chứng cụ thể. Nói một cách khác, giá trị của VBNL được đánh giá dựa vào ý nghĩa của văn bản thông qua lập luận. Khẳng định vai trò của lập luận, nhà nghiên cứu Đỗ Ngọc Thống, khi tiếp cận với văn nghị luận cho rằng: “...*Văn nghị luận là một thể loại nhằm phát biểu tư tưởng, tình cảm, thái độ, quan điểm của người viết một cách trực tiếp về văn học hoặc chính trị, đạo đức, lối sống... nhưng lại được trình bày bằng một thứ ngôn ngữ trong sáng, hùng hồn, với những lập luận chặt chẽ, mạch lạc, giàu sức thuyết phục...*”[106, 189]. Nhận định trên khẳng định cho đặc trưng cơ bản của văn bản này. Có thể nói, nhờ hệ thống lý lẽ, dẫn chứng và thông qua việc diễn đạt bằng ngôn từ lôgic, người viết có thể trình bày nội dung nghị luận một cách chính xác, tạo ra những tác động nhất định đối với người tiếp nhận.

Như vậy, lập luận trong VBNL là hành động ngôn ngữ giúp cho người tạo lập biểu đạt nội dung nghị luận sâu sắc, đầy đủ, chính xác. Lưu Hiệp khẳng định: Nghị luận làm thành một thể là để phân biệt đúng - sai, phải - trái, tìm hết lý lẽ, truy cứu ở cái chỗ vô hình, khoan xuyên vật cứng để cho thông, khơi chỗ sâu để xem giới hạn, nó là cái giỏ để bắt trăm điều suy nghĩ, là thước đo cân nhắc vạn sự [37]. Trong nhận xét trên, tác giả Lưu Hiệp chỉ rõ những đặc trưng cơ bản của VBNL: *phân biệt đúng - sai, phải - trái, tìm hết lý lẽ, truy cứu ở cái chỗ vô hình, khoan xuyên vật cứng để cho thông, khơi chỗ sâu để xem giới hạn, nó là cái giỏ để bắt trăm điều suy nghĩ, là thước đo cân nhắc vạn sự*. Để tạo ra một văn bản đáp ứng được các đặc trưng ấy, người viết phải tổ chức: *lời phù hợp mà ý*

*chặt chẽ, luận giống như việc bỏ củi, quý ở chỗ chế được lý ra, người nguy biện đi ngược ý nghĩa mà nói lấy được thì đọc văn tuy thấy hay đấy nhưng xét lại thì hóa ra đối trá.* Nói một cách khác, tính chính xác của VBNL được tạo ra qua hành động lập luận. Mặc dù trong VBNL, lập luận được coi là hành động ngôn ngữ, nhưng lập luận trong ngôn ngữ và lập luận trong VBNL không hoàn toàn đồng nhất. Bởi trong ngôn ngữ, lập luận được xem xét trong một mẫu, đoạn hoặc trong phát ngôn cụ thể. Trên cơ sở đó, các nhà ngôn ngữ tìm ra cấu trúc, ý nghĩa cũng như dụng ý sử dụng chúng khi giao tiếp. Còn trong VBNL, lập luận là hành động ngôn từ được người tạo lập thực hiện trong suốt quá trình nghị luận. Nó không chỉ là một câu, một đoạn mà là hành động được người nghị luận thực hiện trong toàn bộ văn bản. Nói một cách khác, mỗi VBNL là một chuỗi các hành động ngôn ngữ được người tạo lập tạo ra nhằm tổ chức nội dung luận bàn (từ nội dung khái quát tới những nội dung cụ thể thông qua luận điểm, luận cứ và luận chứng), đồng thời thể hiện dụng ý riêng của bản thân. Vì thế, lập luận là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ nội dung văn bản, là một trong những căn cứ để đánh giá giá trị của bài văn nghị luận.

Hơn nữa, lập luận trong VBNL còn thể hiện rõ những hành động của tư duy logic. Khi thực hiện hoạt động nghị luận, tận dụng những quy tắc về nhận thức chân lý trong logic, người tạo lập tổ chức sắp xếp các yếu tố của lập luận để dẫn dắt người tiếp nhận đi đến với chân lý khoa học, nhằm đạt được các mục đích khác nhau như tuyên truyền, giáo dục, nhận thức xã hội, giao lưu truyền bá hay truyền cảm bồi dưỡng. Dù mục đích tạo lập khác nhau, nội dung nghị luận khác nhau nhưng thông qua hành động lập luận, người nói, người viết có thể dẫn dắt người nghe, người đọc tiếp cận nội dung luận bàn một cách tự nhiên, khéo léo. Bởi lẽ, lập luận là hành động được người tạo lập thực hiện nhằm “*bàn luận với người đọc về hiện thực*” [16, 3]. Nói một cách khác, VBNL đặc biệt chú trọng tới cách tổ chức lập luận nhằm tác động mạnh mẽ đến người tiếp nhận, thuyết phục người ta tin vào ý kiến của bản thân người tạo lập. Nhờ có lập luận, người tạo lập thể hiện thái độ, quan điểm, cũng như những dụng ý riêng của bản thân “*nhằm kêu gọi, tác động vào cảm xúc, tưởng tượng của người đọc*” [26, 5] và tạo ra những tác động nhất định đối với người tiếp nhận. Cho nên, khi nghiên cứu VBNL, lập luận được coi là phương thức biểu đạt cơ bản của kiểu văn bản này.

Cũng vì thế, khi dạy học lập luận trong VBNL, GV một mặt phải tuân theo các quy tắc của logic, mặt khác phải đảm bảo tới cấu trúc của lập luận, nhưng đặc biệt phải chú trọng tới cách tổ chức hệ thống lập luận khi tạo lập văn bản. Rèn luyện các TTL ở THPT chính là nhằm rèn cho HS năng lực thiết yếu để tổ chức lập luận khi viết văn nghị

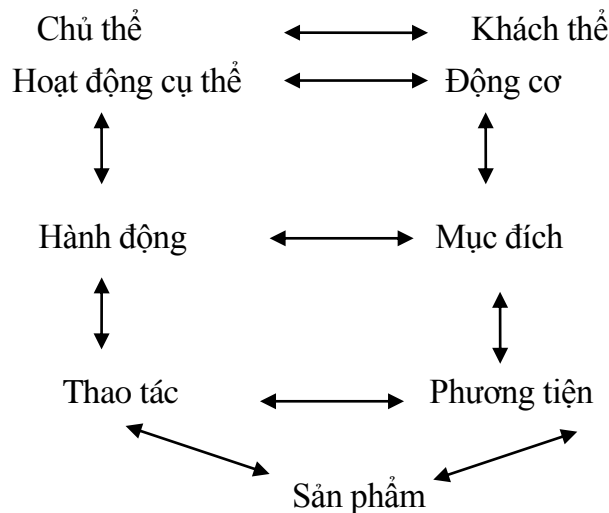
luận. Vì thế nó vừa chịu sự chi phối của các thao tác tư duy logic, vừa phải gắn với cấu trúc, cách thức tổ chức lập luận.

### 1.3. Thao tác lập luận trong văn bản nghị luận

Tiếp cận VBNL, các nhà nghiên cứu nhận thấy rõ tầm quan trọng của phân tích, chứng minh, bình luận... Chương trình Ngữ văn THPT hiện hành quan niệm đó là các TTLL. Để tìm hiểu TTLL, chúng tôi xem lập luận trong VBNL là một hành động ngôn ngữ. Đó là hành động được con người thực hiện để tạo ra các sản phẩm giao tiếp cụ thể. VBNL là một sản phẩm của hoạt động giao tiếp, và để tạo ra được sản phẩm ấy, người tạo lập phải sử dụng TTLL để tổ chức lập luận khi triển khai nội dung nghị luận.

#### 1.3.1. Khái niệm thao tác lập luận

*Thao tác* là thuật ngữ được đề ra từ tâm lý học hoạt động. Theo A.A. Leonchiep, con người thực hiện hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu nào đó của bản thân. Để thỏa mãn những nhu cầu đó, con người thực hiện hành động dựa trên phương tiện trong những điều kiện xác định. Mỗi phương tiện quy định cách thức hành động. Cốt lõi của cách thức ấy chính là thao tác. Bởi vậy, thao tác là đơn vị nhỏ nhất của hoạt động. Đó là thành phần cấu tạo của hành động. Trong cấu trúc hoạt động, thao tác là nhân tố thuộc về phía chủ thể thực hiện hoạt động, nó giúp cho chủ thể tiến hành tạo ra các sản phẩm nhằm đáp ứng mục đích cụ thể, mục đích cuối cùng của hoạt động. Có thể hình dung cấu trúc vĩ mô của hoạt động bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ 1: Cấu trúc vĩ mô của hoạt động (Theo [115, 60])

Như vậy, hành động và thao tác là hai yếu tố cơ bản được con người sử dụng để thực hiện hoạt động. Hai yếu tố này có quan hệ chặt chẽ với chủ thể con người. Bởi thế, A. A. Leonchiep cho rằng trong dòng liên tục của các hoạt động khác nhau tạo nên đời sống cá nhân, nếu ta lấy ra một hoạt động bất kỳ, tại thời điểm xác định và loại bỏ mọi sự

khác nhau về hình thức biểu hiện và tính chất riêng rẽ, sẽ còn lại quan hệ chủ thể - đối tượng, thông qua công cụ hoạt động. Nói một cách khác, bản chất cuối cùng của việc thực hiện hoạt động chính là quá trình thể hiện mối quan hệ giữa con người (nhu cầu của con người) và hành động thông qua các thao tác cụ thể. Vì thế, thao tác là phương tiện để thực hiện hành động. Nó thuần túy là cơ cấu kỹ thuật, máy móc của hành động. Nó có thể được tháo lắp, đập vỡ, chấp ghép và tự do tham gia vào bất kỳ hành động nào nếu hành động đó phù hợp với nó về lôgic. Trong hoạt động, thao tác chính là nhân tố tạo nên sự vận hành của hành động nhằm đạt được mục đích.

Tạo lập VBNL là một hoạt động. Hoạt động đó được con người thực hiện nhằm đáp ứng những nhu cầu riêng của bản thân. Muốn đạt được nhu cầu ấy, con người phải thực hiện các động tác - cơ sở để thực hiện và vận hành những hành động nghị luận. Một trong những hành động thiết yếu chính là hành động lập luận. Và để thực hiện hành động ấy, người nghị luận phải sử dụng tới TTLL. Theo đó, ta có thể quan niệm về TTLL như sau:

*Thao tác lập luận là những động tác có tính chất kỹ thuật mà người nói, người viết sử dụng để sắp xếp các yếu tố của lập luận (luận điểm, luận cứ) theo trình tự và yêu cầu nhằm đạt được những mục đích riêng khi thực hiện hoạt động nghị luận.*

### **1.3.2. Các thao tác lập luận trong chương trình Ngữ văn THPT**

Nghiên cứu VBNL, có thể nhận thấy người nói, người viết thường sử dụng các TTLL cơ bản sau: giải thích, chứng minh, phân tích, tổng hợp, so sánh, bác bỏ, bình luận. Tuy nhiên, gắn với phạm vi nghiên cứu của luận án, chúng tôi tập trung vào các TTLL dưới đây:

#### *1.3.2.1. Thao tác lập luận phân tích*

Trong quá trình khám phá thế giới khách quan, con người nhận thấy rằng bất cứ một đối tượng, một sự vật nào cũng đều do nhiều bộ phận hợp thành, mỗi bộ phận lại có những đặc trưng và tính chất riêng biệt của nó. Bởi vậy, muốn hiểu đúng bản chất đối tượng, ta cần nắm vững đặc trưng của từng bộ phận. Để làm được việc đó, chúng ta thực hiện phân tích. Về bản chất, đó là hành động chia cắt, xẻ, tách nhỏ đối tượng nhằm tạo ra cơ sở để khảo sát, tìm hiểu, khám phá đối tượng. Như vậy, phân tích là một thao tác của tư duy lôgic. Nó là con đường giúp con người tiếp cận với các yếu tố và nhận thức thế giới khách quan.

Khi tạo lập VBNL, để nội dung nghị luận được trình bày khoa học, khách quan, người viết phải thực hiện TTLL phân tích. Như vậy, phân tích là TTLL được người viết sử dụng nhằm dẫn dắt người tiếp nhận hiểu hơn từng đặc điểm, từng biểu hiện, qua đó có cách nhìn chính xác, khách quan đối với của nội dung được bàn luận. Nhờ có TTLL này,

người tạo lập thể hiện cách thức tiếp cận đối tượng, rút ra những hiểu biết của bản thân và dẫn dắt người tiếp nhận đi đến các phán đoán, kết luận khoa học, và nhận thức đúng nội dung nghị luận. Chẳng hạn, trong ngữ liệu sau:

*“Để thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ và phát triển cho tâm hồn, trí tuệ không gì thay thế được việc đọc sách.*

*Cuốn sách tốt là người bạn giúp ta học tập, rèn luyện hằng ngày.*

*Sách mở mang trí tuệ, hiểu biết cho ta, dẫn dắt ta vào những chỗ sâu sắc, bí ẩn của thế giới xung quanh, từ sông ngòi rừng núi cho đến vũ trụ bao la. Sách đưa ta vào những thế giới cực lớn, như thiên hà hoặc cực nhỏ, như thế giới các hạt vật chất.*

*Sách đưa ta vượt thời gian, tìm về với những biến cố lịch sử xa xưa hoặc chấp cánh cho ta tưởng tượng tới ngày mai, hoặc hiểu sâu sắc hơn hiện tại.*

*Sách văn học đưa ta vào thế giới của những tâm hồn người đủ các thời đại để ta thông cảm với những cuộc đời, chia sẻ những niềm vui, nỗi đau dân tộc và nhân loại.*

*Sách đem lại cho con người những phút giây thư giãn trong cuộc đời bận rộn, bươn chải. Sách làm cho ta hưởng vẻ đẹp, mở rộng con đường giao tiếp với mọi người xung quanh.*

*Sách là báu vật không thể thiếu được đối với mọi người. Phải biết chọn sách mà đọc và trân trọng, nâng niu những cuốn sách quý”.*

(Theo SGK Ngữ văn 7, tập 2, tr.23, Nxb Giáo dục)

Ở ngữ liệu trên, để đánh giá vai trò của việc đọc sách, tác giả Thành Mỹ mở đầu bằng việc khẳng định giá trị không thể thay thế của sách. Từ luận điểm được nêu, tác giả đã chỉ ra các phương diện khác nhau mà sách đem lại. Đó là:

- 1) Sách là người bạn.
- 2) Sách mở mang tri thức, hiểu biết.
- 3) Sách đưa ta vượt thời gian.
- 4) Sách đem lại cho con người những phút giây thư giãn.

Bằng cách chia nhỏ tác dụng của sách thành bốn phương diện, tác giả Thành Mỹ đã chỉ ra ích lợi của việc đọc sách một cách ngắn gọn, súc tích nhưng rất cụ thể và thuyết phục người tiếp nhận. Ích lợi ấy được biểu hiện qua các phương diện như: là người bạn, mở mang tri thức, vượt thời gian, và mang lại sự thư giãn cho con người. Đó đều là những điều kiện cần thiết đối với cuộc sống của mỗi cá nhân. Có thể nói thông qua việc sử dụng TLL phân tích, tác giả truyền đạt khá đầy đủ dụng ý riêng của bản thân.

Trong hành động lập luận, phân tích là thuộc kiểu hành vi ngôn ngữ ở lời. TLL này thường được người tạo lập thực hiện trong một đoạn văn, nhiều đoạn văn, thậm chí là



tất cả các đoạn văn trong bài khi giữa chúng có mối quan hệ với nhau về ý nghĩa. Vì vậy, khi thực hiện TTLL phân tích, người nói, người viết phải tuân theo những nguyên tắc sau:

Phải đảm bảo sự phân chia phản ánh đúng nhất tổ chức của đối tượng. Để làm được điều này, chúng ta phải phân xuất được từng khía cạnh, từng bộ phận của nội dung và sắp xếp chúng theo một trình tự hợp lý. Việc phân chia phải dựa vào những căn cứ về nội dung, về ý nghĩa hay hình thức biểu hiện để các khía cạnh được phân tách có tính chính xác, khoa học. Mặt khác, các yếu tố, các bộ phận phải được phân chia theo cấp bậc. Theo đó, khi sắp xếp, người viết dựa vào cấp bậc của các yếu tố để trình bày nội dung theo trật tự nhằm tạo mạch lạc trong diễn đạt.

Phải lựa chọn những dẫn chứng, lý lẽ phù hợp với từng bộ phận, từng khía cạnh. Khi lập luận, chúng ta cần phải căn cứ vào mục đích để lựa chọn cách thức tổ chức lý lẽ và dẫn chứng cho thích hợp.

Trong VBNL, TTLL phân tích không đơn thuần chỉ là tách nhỏ các mặt nội dung để mà còn cần phải xác lập mối liên hệ giữa chúng để có cơ sở khái quát lại toàn bộ nội dung đã trình bày trước đó, từ đó rút ra nhận thức chân lý. Muốn nhìn nhận đối tượng trong sự thống nhất hữu cơ của nó thì cần phải tổng hợp.

#### 1.3.2.2. Thao tác lập luận so sánh

So sánh là một thao tác tư duy được con người sử dụng thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày. Về bản chất, đó là sự đối chiếu hai hay nhiều đối tượng, nhiều sự kiện, nhiều hiện tượng với nhau dựa trên một mối liên hệ nào đó, nhằm làm nổi bật được đối tượng đang được xem xét, đánh giá. Từ đặc trưng của so sánh, khi sáng tạo nghệ thuật, các nghệ sĩ đã tạo ra biện pháp tu từ so sánh - một trong những biện pháp giúp người nghệ sĩ có thể tạo ra những hình tượng nghệ thuật. So sánh tu từ được thực hiện theo cơ chế các sự vật, hiện tượng được xem xét đối chiếu dựa trên những mối liên hệ tương đồng nhất định nhằm mục đích chính là tạo ra những hình tượng nghệ thuật. Ví dụ:

*Mẹ về như nắng mới*

*Sáng ấm cả gian nhà.*

(Theo SGK Tiếng Việt 3, Tập 1, Tr.32, Nxb Giáo dục, H. 2006)

Hai câu thơ trên được trích từ bài thơ *Mẹ vắng nhà ngày bão* của nhà thơ Đặng Hiên. Cả bài thơ được dùng để miêu tả khung cảnh ngôi nhà trong những ngày mẹ về quê. Cảm nhận chung của người con là khi mẹ vắng nhà, trời thì mưa, căn nhà trống vắng mặc dù mọi sinh hoạt vẫn diễn ra bình thường. Ấn tượng sâu sắc nhất của bài thơ được tập trung ở khổ thơ cuối. Mẹ về nhà, dường như đất trời, con người và cả căn nhà như bừng sáng. Nhờ biện pháp so sánh tu từ ở câu thơ “*Mẹ về như nắng mới*”, nhà thơ Đặng Hiên

đã tạo ra một kết thúc bất ngờ, ám áp với một lối diễn đạt vừa nhẹ nhàng, giàu cảm xúc phù hợp với đặc điểm tình cảm của trẻ thơ.

Khác với so sánh tu từ, trong VBNL, TTLL so sánh được người tạo lập thực hiện trên cơ sở tương đồng giữa các đối tượng và từ đó rút ra ý kiến, nhận định về đối tượng nghị luận. Ta có thể nhận thấy đặc điểm đó trong ngữ liệu sau:

*“Thần Hê-ra-clet của Hi Lạp, chủ yếu là bắp thịt rắn chắc, có tài chiến đấu, nhưng mục tiêu chiến đấu là gì thì bất cần, tâm địa thần tâm thường. Trong truyện Thánh Gióng Việt Nam không thấy nói đến bắp thịt rắn chắc mà nói đến đức tính trước hết. Đức tính nào cũng cao cả, hình tượng nào cũng phoi phới. Thần anh hùng của ta trí dũng kiêm toàn, đạo đức không gợn một hạt bụi, mọi ý nghĩ và hành động đều tập trung vào một việc, mà việc ấy là việc cứu nước.”* [111, 58]

Đoạn trích trên được trích lược từ bài đánh giá về vẻ đẹp của Thánh Gióng - một vị thần anh hùng bất tử trong truyện cổ dân gian Việt Nam. Để làm nổi bật lên vẻ đẹp của Phù Đổng Thiên Vương, tác giả Nguyễn Đồng Chi đã sử dụng triệt để TTLL so sánh. Cũng giống như các hình thức so sánh khác, so sánh trong lập luận ở đoạn trích trên được tác giả thực hiện bởi sự đối chiếu giữa hai hình ảnh có sự tương đồng với nhau - cả hai vị thần đều có tài chiến đấu. Chọn đối tượng so sánh là thần Hê-ra-clét của Hi Lạp, tác giả đã lần lượt chỉ ra những nét khác biệt giữa hai vị thần trong các tác phẩm dân gian. Trong thần thoại Hy Lạp, Hê-ra-clét là vị thần có vẻ đẹp hình thể: bắp thịt rắn chắc và tài năng chiến đấu hơn người. Thánh Gióng của ta cũng một mình đánh đuổi lũ giặc Ân xâm lược. Thế nhưng Hê-ra-clét lại không phân định rõ mục tiêu chiến đấu, tâm địa tầm thường. Còn trong truyện Thánh Gióng, đức Phù Đổng Thiên Vương của ta đẹp không phải ở hình thể mà đẹp bởi đức tính. Đây là một vị thần trí dũng kiêm toàn, đạo đức không gợn một hạt bụi, mọi ý nghĩ và hành động đều tập trung vào việc cứu dân cứu nước. Như vậy từ việc so sánh hình ảnh hai vị thần trong truyện, tác giả Nguyễn Đồng Chi đã nêu ra những nét đối lập trong vẻ đẹp của hai nhân vật để rồi chứng minh cho vẻ đẹp bất diệt của đức Phù Đổng Thiên Vương - vẻ đẹp ấy toả sáng lung linh, huyền ảo với nhiều ý nghĩa mới mẻ sâu xa. Thánh Gióng - hình ảnh một vị thần đẹp người, đẹp nét, trí dũng kiêm toàn, sống và hành động vì nghĩa lớn nhưng lại rất bình dị, khiêm nhường. Câu kết của đoạn trích chính là kết quả được rút ra từ hành động so sánh trước đó. Nhờ có so sánh, ta có thể hiểu đúng hơn vẻ đẹp của Thánh Gióng - đó là vẻ đẹp được nhận thấy từ chiều sâu tâm hồn, từ những hành động, việc làm cũng như tinh thần của ngài. Vẻ đẹp ấy không toát ra từ cơ bắp, thân hình mà đó là cái đẹp hài hòa trong nhân cách, trong đạo đức của con người. Không chỉ có vậy, khi đánh giá vẻ đẹp của Thánh Gióng, nhờ có so sánh mà lời lẽ